

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế tiêu thụ đặc biệt

A. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN KẾT QUẢ THỰC HIỆN LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) số 27/2008/QH12 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2009 thay thế cho Luật thuế TTĐB năm 1999, Luật sửa đổi một số điều của Luật thuế TTĐB năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB và Luật thuế GTGT năm 2005. Luật thuế TTĐB số 27/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung 4 lần (Luật số 70/2014/QH13, Luật số 71/2014/QH13, Luật số 106/2016/QH13, Luật số 03/2022/QH15) để giải quyết phát sinh vướng mắc, phù hợp cam kết hội nhập.

Việc sửa đổi bổ sung Luật thuế TTĐB đã góp phần vào sự thành công của Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020. Thực tế thực hiện cho thấy, Luật thuế TTĐB đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt kinh tế - xã hội, đã đạt được một số kết quả nhất định tuy nhiên so với yêu cầu đặt ra, chính sách thuế TTĐB vẫn còn những hạn chế nhất định cần tiếp tục được hoàn thiện để phát huy hơn nữa vai trò của thuế TTĐB cũng như mục tiêu đề ra của Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2021-2030. Cụ thể như sau:

1. Kết quả đạt được

1.1. Luật thuế TTĐB đã góp phần định hướng sản xuất, tiêu dùng của xã hội, điều tiết thu nhập của người tiêu dùng có thu nhập cao, góp phần tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội; góp phần bảo vệ môi trường

- Luật thuế TTĐB góp phần định hướng sản xuất, tiêu dùng những mặt hàng không có lợi cho sức khỏe và môi trường xã hội (thuốc lá, rượu, bia)

Thuốc lá là mặt hàng tiêu dùng có hại cho sức khỏe cho bản thân người hút và người xung quanh (người hút thuốc thụ động) là một trong những nguyên nhân hàng đầu gây bệnh tật và tử vong trên thế giới. Vì vậy thuốc lá luôn là mặt hàng chịu thuế TTĐB với mức thuế suất cao. Thuế suất thuế TTĐB đối với thuốc lá được tăng theo lộ trình từ 65% lên 70% (từ 01/01/2016-31/12/2018) và lên 75% (từ 01/01/2019) để thực hiện cam kết của Việt Nam tại Công ước khung về kiểm soát thuốc lá và mục tiêu giảm sử dụng thuốc lá tại Chiến lược quốc gia phòng chống tác hại thuốc lá đến 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt.

Bên cạnh thuốc lá, tiêu dùng rượu, bia nếu lạm dụng cũng gây nhiều tác hại đến sức khỏe của người tiêu dùng cũng như ảnh hưởng đến đời sống xã hội như bạo lực, an ninh trật tự, an toàn giao thông,... Giống như mặt hàng thuốc lá, đồ uống có cồn (rượu, bia) có tính chất gây nghiện, do vậy dễ dẫn đến lạm dụng. Trước ngày 01/01/2010, thuế TTĐB đối với bia được phân biệt theo loại bia: bia chai, bia lon áp dụng các mức thuế suất 75% đối với bia chai; bia tươi, bia hơi áp dụng 30% trong năm 2006, 2007 và 40% từ năm 2008. Thực hiện yêu cầu gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Quốc hội đã thông qua Luật thuế TTĐB số 27/2008/QH12 quy định áp dụng thống nhất một mức thuế suất đối với tất cả loại bia là 45% từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2012 và 50% từ ngày 01/01/2013. Việc thống nhất mức thuế suất đối với bia để thực hiện cam kết, do vậy đã phải điều chỉnh giảm thuế suất đối với bia chai từ 75% xuống 45% - 50% nhằm hỗ trợ các cơ sở sản xuất bia địa phương (cơ cấu bia hơi chiếm tỷ trọng lớn) tái cơ cấu sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm để đủ sức cạnh tranh, qua đó góp phần tạo công ăn việc làm cho địa phương. Tuy nhiên, việc hạ thuế suất đối với mặt hàng bia đã làm tăng sức mua (tiêu thụ) đối với bia. Tính riêng năm 2013, lượng bia tiêu thụ là 3 tỷ lít và tính bình quân đầu người là 32 lít/người. Theo quy hoạch phát triển ngành bia, rượu, đồ uống Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025 được Bộ Công Thương phê duyệt thì: năm 2010 sản lượng sản xuất đạt 2,5 tỷ lít bia; đến năm 2015, sản lượng sản xuất đạt 4 tỷ lít bia; đến năm 2025, sản lượng sản xuất đạt 6 tỷ lít bia.

Vì vậy, áp dụng thuế TTĐB với mức thuế suất cao là cần thiết nhằm nâng cao nhận thức và hành động về tác hại của việc sử dụng nhiều sản phẩm này để giảm tiêu thụ rượu, bia và hạn chế lạm dụng rượu, bia. Luật sửa đổi, bổ sung Luật thuế TTĐB năm 2014 đã thông qua lộ trình tăng thuế đối với các mặt hàng này để góp phần hạn chế sản xuất và tiêu dùng như sau:

+ Rượu từ 20 độ trở lên áp dụng thuế suất theo lộ trình tăng từ 50% lên 55% (từ 01/01/2016-31/12/2016), lên 60% (từ 01/01/2017-31/12/2017) và 65% (từ 01/01/2018);

+ Rượu dưới 20 độ tăng thuế suất thuế TTĐB từ 25% lên 30% từ ngày 01/01/2016 và lên 35% từ ngày 01/01/2018;

+ Bia từ ngày 01/01/2016 tăng từ 50% lên 55%; từ ngày 01/01/2017 tăng lên 60%; từ ngày 01/01/2018 tăng lên 65%.

- Luật thuế TTĐB góp phần định hướng tiêu dùng tiết kiệm đối với nhiên liệu có nguồn gốc hóa thạch và khuyến khích sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường

Để tạo điều kiện giảm giá bán, khuyến khích người dân tiêu dùng các loại xăng thân thiện môi trường, Luật thuế TTĐB quy định thuế suất thấp hơn đối với xăng sinh học, cụ thể áp dụng thuế suất 8% với xăng E5 và xăng E10 áp dụng thuế suất 7%, trong khi đó xăng khoáng áp dụng thuế suất 10%.

Đối với mặt hàng ô tô chở người, ngoài việc điều tiết thu nhập của những

người có thu nhập cao thì thuế TTĐB cũng có tác dụng trong việc góp phần hạn chế sử dụng xe du lịch, xe cá nhân trong điều kiện cơ sở hạ tầng giao thông của Việt Nam còn yếu kém chưa theo kịp với tốc độ gia tăng các phương tiện giao thông. Luật thuế TTĐB quy định “xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB. Đây là sự lựa chọn kết hợp nhiều tiêu chí phân loại để sắp xếp, cơ cấu thuế suất giữa các nhóm xe, có tính đến diện tích chiếm chỗ ảnh hưởng đến giao thông, nguồn năng lượng sử dụng, thống nhất tiêu chí dung tích xi lanh càng lớn thì thuế suất càng cao. Do vậy đã góp phần hạn chế xe dung tích xi lanh lớn, từ đó góp phần thúc đẩy sử dụng nhiên liệu tiết kiệm, khuyến khích giảm ô nhiễm môi trường và vấn đề xử lý môi trường đang là thách thức đặt ra cho các nước nói chung và Việt Nam nói riêng.

Để khuyến khích phát triển dòng xe chiến lược dung tích nhỏ, thúc đẩy việc sử dụng các chủng loại xe tiết kiệm nhiên liệu và thân thiện với môi trường, tại Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016 đã quy định giảm thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô dưới 9 chỗ có dung tích xi lanh từ 2.000 cm³ trở xuống, cụ thể như sau: Giảm thuế suất thuế TTĐB đối với dòng xe ô tô có dung tích xi lanh dưới 2.000 cm³ và chia thành các nhóm nhỏ: (1) Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm³ trở xuống: Từ ngày 01/01/2018 áp dụng thuế suất 35% (giảm 10% so với quy định tại Luật số 70/2014/QH13); (2) Loại trên 1.500 cm³ đến 2.000 cm³: Từ ngày 01/01/2018 áp dụng thuế suất 40% (giảm 5% so với quy định tại Luật số 70/2014/QH13).

Ngày 11/01/2022, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự, trong đó đã sửa đổi thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô điện chạy pin theo lộ trình để sớm cụ thể hoá được chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, tận dụng cơ hội hình thành chuỗi cung ứng vững chắc cho các doanh nghiệp tại Việt Nam sản xuất xe ô tô điện trong nước và xuất khẩu, góp phần giảm phát thải khí nhà kính trong ngành giao thông, tăng hiệu quả sử dụng năng lượng, khuyến khích phát triển nguồn năng lượng mới và năng lượng tái tạo. Theo đó, xe ô tô điện chạy bằng pin áp dụng thuế suất theo lộ trình: từ ngày 01/3/2022 là 3%, 2%, 1% và từ ngày 01/3/2027 là 11%, 7%, 4% tùy theo số chỗ ngồi. Quy định này áp dụng cả đối với xe nhập khẩu và xe sản xuất lắp ráp trong nước.

Để khuyến khích sử dụng xe ô tô thân thiện môi trường như xe chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện, năng lượng sinh học, xe chạy điện, Luật thuế TTĐB quy định xe chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện áp dụng thuế suất chỉ bằng 70% mức thuế suất của xe ô tô cùng loại chạy xăng; xe ô tô chạy bằng năng lượng sinh học áp dụng mức thuế suất chỉ bằng 50% mức thuế suất của xe ô tô cùng loại chạy xăng; giảm thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô điện: (1) Loại chở người từ 9 chỗ trở xuống áp dụng thuế suất 15% (giảm 10% so với quy

định tại Luật số 70/2014/QH13); (2) Loại chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ: áp dụng thuế suất 10% (giảm 5% so với quy định tại Luật số 70/2014/QH13); (3) Loại chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ: áp dụng thuế suất 5% (giảm 5% so với quy định tại Luật số 70/2014/QH13).

- Luật thuế TTĐB đã góp phần điều tiết thu nhập của những người có thu nhập cao thông qua quy định thuế suất cao đối với các hàng hoá, dịch vụ cao cấp như ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống có dung tích xi lanh trên 4.000cm³ áp dụng mức thuế suất từ 110%-150%; tàu bay, du thuyền áp dụng thuế suất 30%; kinh doanh dịch vụ casino, trò chơi điện tử có thưởng áp dụng thuế suất 35%; kinh doanh vũ trường áp dụng mức thuế suất 40%... để điều tiết thu nhập của những người có thu nhập cao, góp phần tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội.

1.2. Luật thuế TTĐB góp phần thực hiện cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO, Công ước khung về kiểm soát thuốc lá của Tổ chức Y tế Thế giới (FCTC-WHO), bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế

Việc sửa đổi mức thuế suất đối với mặt hàng rượu, bia vừa khắc phục những tồn tại, bất cập của Luật thuế TTĐB trước đây, vừa đảm bảo việc thực hiện các cam kết quốc tế của nước ta trong Hiệp định gia nhập WTO. Việc tăng thuế TTĐB đối với rượu, bia để hạn chế tiêu dùng, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Bên cạnh đó, việc tăng thuế TTĐB đối với thuốc lá để giảm tiêu dùng thuốc lá, thực hiện Điều 6 Công ước khung về kiểm soát thuốc lá (FCTC).

1.3. Luật thuế TTĐB góp phần ổn định nguồn thu cho ngân sách nhà nước

Trong giai đoạn 2015-2020, số thu thuế TTĐB năm sau luôn cao hơn năm trước. Tỷ trọng số thu thuế TTĐB trên tổng thu ngân sách Nhà nước (NSNN) hàng năm tăng từ 6,5% (2015) lên khoảng 8,3% (2020) và chiếm khoảng 2% GDP. Tỷ trọng số thu thuế TTĐB năm 2015 chiếm khoảng 6,5% trong tổng thu NSNN và khoảng 1,6% so với GDP, năm 2016 chiếm khoảng 7,7% trong tổng thu NSNN và khoảng 1,9% so với GDP, năm 2017 chiếm khoảng 8,3% trong tổng thu NSNN và khoảng 2,1% so với GDP, năm 2018 chiếm khoảng 8,5% trong tổng thu NSNN và khoảng 2,2% so với GDP, năm 2019 chiếm khoảng 8,8% trong tổng thu NSNN và khoảng 2,3% so với GDP, năm 2020 chiếm khoảng 8,3% trong tổng thu NSNN và khoảng 2,0% so với GDP.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, trong giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội hiện nay và thời gian tới, chính sách thuế TTĐB hiện hành vẫn còn những hạn chế nhất định cần tiếp tục được hoàn thiện để phát huy hơn nữa vai trò của thuế TTĐB như đối tượng chịu thuế TTĐB còn hẹp so với thông lệ quốc tế; một số quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, mô tả mặt hàng

tại Biểu thuế chưa thực sự rõ ràng dẫn đến vướng mắc trong thực tế thực hiện; thuế suất thuế TTĐB đối với một số hàng hoá khi sử dụng gây tác hại đến sức khoẻ và xã hội, cũng như việc điều tiết đối với một số hàng hoá xa xỉ còn thấp, chưa đạt được mục tiêu hạn chế tiêu dùng hoặc điều tiết thu nhập của người sử dụng có thu nhập cao trong xã hội; chưa có quy định hoàn trả thuế TTĐB đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết đối với một số mặt hàng cần khuyến khích sản xuất, tiêu dùng sản phẩm thân thiện môi trường.

- Về đối tượng chịu thuế TTĐB còn hẹp so với thông lệ quốc tế: Các đối tượng chịu thuế TTĐB hiện hành đã thực hiện ổn định trong thời gian dài. Tuy nhiên tham khảo kinh nghiệm quốc tế gần đây thì nhiều nước đã và đang mở rộng đối tượng chịu thuế TTĐB nhằm (i) hạn chế (không khuyến khích) việc tiêu dùng một số loại hàng hóa mà theo quan điểm của họ là có hại cho sức khỏe (thuốc lá mới nếu được phép nhập khẩu, sản xuất, lưu hành) hoặc nhà nước cần có sự điều tiết về tiêu dùng (như đồ uống có đường); (ii) giải quyết thực tiễn phát sinh cần quản lý (thí dụ như thức uống đại mạch và nước giải khát không cồn, có quy trình sản xuất và nguyên liệu sản xuất tương tự như mặt hàng bia nhưng không có cồn (dưới ngưỡng quy định) nên không được xác định là bia và không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng). Do đó, cần thiết phải tổng hợp các vướng mắc phát sinh mới này, đề xuất xem xét bổ sung một số hàng hóa, dịch vụ nêu trên vào đối tượng chịu thuế TTĐB để phù hợp thực tiễn cũng như thông lệ quốc tế.

- Thuế suất thuế TTĐB đối với một số hàng hoá khi sử dụng gây tác hại đến sức khoẻ và xã hội, cũng như việc điều tiết đối với một số hàng hoá xa xỉ còn thấp chưa đạt được mục tiêu hạn chế tiêu dùng hoặc điều tiết thu nhập của người sử dụng có thu nhập cao trong xã hội: Mặc dù mặt hàng thuốc lá, bia và rượu đã được tăng thuế suất thuế TTĐB theo lộ trình từ năm 2016-2019, tuy nhiên, trong thời gian qua, tình hình sử dụng thuốc lá, rượu, bia ở Việt Nam vẫn ở mức cao và có xu hướng gia tăng. Đồng thời, lộ trình tăng thuế TTĐB vừa qua đối với thuốc lá, rượu và bia vẫn chưa đạt mục tiêu giảm sử dụng như các chủ trương, chiến lược đã đề ra. Do đó, cần thiết phải nghiên cứu tiếp tục điều chỉnh tăng thuế TTĐB đối với các mặt hàng này để giảm sử dụng, nâng cao sức khỏe cộng đồng.

- Một số quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, mô tả mặt hàng tại Biểu thuế chưa thực sự rõ ràng dẫn đến vướng mắc trong thực tế thực hiện như: tàu bay; xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng; máy bay huấn luyện đào tạo phi công; xe ô tô chạy trong khu di tích lịch sử, trường học, bệnh viện; xe ô tô chuyên dụng...

- Chưa có quy định hoàn trả thuế TTĐB đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết đối với một số mặt hàng cần khuyến khích sản xuất, tiêu dùng sản phẩm thân thiện môi trường.

2.2. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

Những tồn tại, hạn chế nói trên xuất phát từ cả các nguyên nhân khách quan và chủ quan. Cụ thể như sau:

a) Về nguyên nhân khách quan

- Nền kinh tế trong nước liên tục phải ứng phó với các biến động khó lường, khó dự báo. Sau khi Chiến lược cải cách hệ thống chính sách thuế đến năm 2020 được ban hành đã chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những khó khăn do nền kinh tế ngày càng hội nhập sâu, rộng trong điều kiện kinh tế toàn cầu có nhiều biến động và tiềm ẩn nhiều rủi ro, trong khi hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ, khả năng phân tích, dự báo còn hạn chế.

- Tính đồng bộ của pháp luật thuế nói chung, pháp luật về thuế TTĐB nói riêng với hệ thống các chính sách pháp luật khác có liên quan còn bộc lộ một số bất cập do sự điều chỉnh liên tục cho phù hợp với các yêu cầu và bối cảnh mới.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngày càng đa dạng, phức tạp. Các mô hình kinh doanh mới liên tục xuất hiện. Qua đó, đã và đang làm thay đổi mạnh mẽ các hoạt động kinh doanh truyền thống, đặt các cơ quan quản lý vào những tình huống chưa có tiền lệ không riêng với Việt Nam mà đối với hầu hết các quốc gia khác trên thế giới.

- Xu hướng các nước phát triển và các nước đang phát triển đều thực hiện cơ cấu lại thu NSNN, trong đó tăng cường vai trò của thuế TTĐB, đồng thời từng bước giảm dần thuế nhập khẩu để thực hiện cam kết trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng.

b) Về nguyên nhân chủ quan

- Việc đánh giá, dự báo tình hình kinh tế trong nước và quốc tế còn chưa sát, chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới, khi bối cảnh kinh tế thế giới biến động liên tục.

- Một số yêu cầu về cải cách chính sách thuế TTĐB đã được nhận diện khá sớm nhưng kết quả thực hiện trên thực tiễn chưa cao do việc thực hiện còn chưa đồng bộ. Thực tế này đã dẫn đến việc rà soát, hợp lý hóa các chính sách thuế TTĐB gặp phải nhiều khó khăn khi mở rộng đối tượng chịu thuế cũng như điều chỉnh thuế suất đối với một số hàng hóa, dịch vụ.

B. MỤC TIÊU TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ VÀ QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN

I. MỤC TIÊU TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ

1. Mục tiêu

Mục tiêu tổng kết, đánh giá từng điều khoản của Luật đề đưa ra các nội dung không còn phù hợp trong thực hiện như sau:

- Phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước trong bối cảnh hiện nay;
- Tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính;

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật;
- Đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển;
- Đảm bảo ổn định nguồn thu NSNN.

2. Quan điểm

Định hướng hoàn thiện Luật thuế TTĐB theo các nguyên tắc sau:

- Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, trong đó có chỉ đạo mở rộng cơ sở thuế, hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong các sắc thuế và chính sách miễn, giảm, giãn thuế, đảm bảo tính trung lập của thuế và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 trong Văn Kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng cộng sản Việt Nam đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội về thuế, phí như sau: Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế... Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 đề ra giải pháp về cải cách chính sách thuế TTĐB, cụ thể: Rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt để điều tiết tiêu dùng phù hợp với sự dịch chuyển về xu hướng tiêu dùng trong xã hội và định hướng của Đảng và Nhà nước về bảo vệ sức khỏe nhân dân và bảo vệ môi trường; xây dựng lộ trình điều chỉnh tăng thuế đối với các mặt hàng thuốc lá, bia, rượu để hạn chế sản xuất, tiêu dùng và thực hiện các cam kết quốc tế; rà soát điều chỉnh mức thuế tiêu thụ đặc biệt một số mặt hàng để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030; nghiên cứu áp dụng kết hợp giữa thuế suất theo tỷ lệ và mức thuế tuyệt đối đối với một số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Kế thừa và phát huy những quy định đã mang lại tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của Luật thuế TTĐB hiện hành, đồng thời nghiên cứu sửa đổi, bổ sung những bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện nhằm đáp ứng với yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội và quản lý thuế, phù hợp với mục tiêu cải cách thủ tục hành chính nhằm hỗ trợ sản xuất kinh doanh phát triển.

- Tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo chính sách minh bạch và đồng bộ với quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Đảm bảo mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với xu hướng phát triển và thông lệ quốc tế.

II. KẾT QUẢ TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỊNH HƯỚNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Trên cơ sở báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, các hiệp hội và từ tổng kết đánh giá công tác quản lý thuế TTĐB, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết, đánh giá toàn bộ nội dung của Luật thuế TTĐB. Luật thuế TTĐB hiện hành

được thiết kế gồm 4 Chương 11 Điều, trong đó: Chương I quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 4); Chương II quy định về căn cứ tính thuế (từ Điều 5 đến Điều 7); Chương III quy định về hoàn thuế, khấu trừ, giảm thuế (Điều 8, Điều 9); Chương IV quy định về điều khoản thi hành (Điều 10, Điều 11).

Qua tổng kết đánh giá thì có 07 Điều của Luật thuế TTĐB không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện (Điều 1, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 9, Điều 10, Điều 11), có 04 Điều có phát sinh vướng mắc (Điều 2, Điều 3, Điều 7, Điều 8). 22 nội dung vướng mắc chủ yếu liên quan đến: (i) đối tượng chịu thuế; (ii) đối tượng không chịu thuế; (iii) giá tính thuế; (iv) thuế suất; (v) hoàn, khấu trừ thuế. Nội dung như sau:

1. Mở rộng cơ sở tính thuế theo chủ trương của Đảng, Nhà nước và phù hợp với thông lệ quốc tế (bổ sung đối tượng chịu thuế và áp dụng thuế suất phù hợp)

1.1. Đối với đồ uống có đường

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), đồ uống có đường là nguyên nhân chính gây nên tình trạng thừa cân và béo phì, là một trong những yếu tố nguy cơ hàng đầu gây bệnh không lây nhiễm như tim mạch, đái tháo đường, ... hiện đang có mức tăng bùng nổ trong vài thập kỷ qua.¹ Tỷ lệ thừa cân đối với người trưởng thành ở Việt Nam (trên 18 tuổi) ở cả hai giới đã tăng 68% trong giai đoạn 2002 - 2016.

Theo Bộ Y tế, có bằng chứng gần đây cho thấy mối liên quan giữa tiêu thụ đồ uống có đường với bệnh không lây nhiễm gây ra tổn thất kinh tế, gánh nặng chi phí y tế và tỷ lệ tử vong. Theo đó, giảm đồ uống có đường có thể dự phòng tử vong do góp phần làm giảm tỷ lệ thừa cân, béo phì, rối loạn đường máu, mỡ máu và tăng huyết áp, là các yếu tố nguy cơ gây tử vong phổ biến tại các nước có thu nhập thấp và trung bình^{2,3,4,5}. Tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu cho thấy tổn thất rất lớn về kinh tế - xã hội do bệnh không lây nhiễm gây ra.

Theo kết quả điều tra dinh dưỡng giai đoạn 2000 - 2010 và 2010 - 2020 của Viện Dinh dưỡng quốc gia, tỷ lệ thừa cân, béo phì của trẻ em Việt Nam tăng lên nhanh chóng, ở tất cả các lứa tuổi và ở tất cả các khu vực, thành thị cũng như

¹ Theo Bộ Y tế, có nhiều nghiên cứu quy mô lớn trong thời gian dài đã cho thấy sử dụng đồ uống có đường bất hợp lý được xác định là **một trong những nguyên nhân chính gây ra thừa cân, béo phì** và các rối loạn chuyển hóa cả ở người trưởng thành và trẻ em, làm tăng nguy cơ bị rối loạn đường huyết, mỡ máu và huyết áp, từ đó, **gia tăng tỷ lệ mắc bệnh đái tháo đường tuýp 2, tăng huyết áp, rối loạn mỡ máu cũng như các biến chứng về tim mạch, đột quỵ và tử vong**; đồng thời là một trong những **nguyên nhân chính gây ra các bệnh về răng miệng** và có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe.

² Malik VS, Popkin BM, Bray GA, Després JP, Willett WC, Hu FB. Sugar-sweetened beverages and risk of metabolic syndrome and type 2 diabetes: a meta-analysis. *Diabetes care*. 2010 Nov 1;33(11):2477-83.

³ Malik V, Li Y, Pan A, De Koning L, Schernhammer E, Willett W, Hu F. Long-Term Consumption of Sugar-Sweetened and Artificially Sweetened Beverages and Risk of Mortality in US Adults. *Circulation*. 2019 Mar 18

⁴ Fung TT, Malik V, Rexrode KM, Manson JE, Willett WC, Hu FB. Sweetened beverage consumption and risk of coronary heart disease in women. *The American journal of clinical nutrition*. 2009 Feb 11;89(4):1037-42.

⁵ Malik VS, Schulze MB, Hu FB. Intake of sugar-sweetened beverages and weight gain: a systematic review-. *The American journal of clinical nutrition*. 2006 Aug 1;84(2):274-88.

nông thôn⁶. Tình hình tiêu thụ đồ uống có đường ở Việt Nam đã tăng mạnh, gấp 7 lần trong 15 năm, từ mức trung bình 6,6 lít/người năm 2002 lên 46,5 lít/người năm 2017 và con số này năm 2018 là 50,7 lít/người. Tiêu thụ đồ uống có đường vẫn đang ngày càng gia tăng, năm 2020, sản lượng đồ uống và nước ngọt có ga tại Việt Nam đạt khoảng 3,3 tỷ lít và 1,5 tỷ lít. Điều tra cũng cho thấy sử dụng đồ uống có đường đang ngày càng gia tăng ở Việt Nam, đặc biệt là ở nhóm tuổi trẻ. Trung bình một người Việt Nam tiêu thụ khoảng 46,5g đường tự do/ngày, gần bằng mức giới hạn tối đa (50g/ngày) và cao gần gấp đôi so với mức khuyến cáo dưới 25g/ngày của Tổ chức Y tế thế giới. Qua điều tra về mức sống của hộ gia đình Việt Nam cho thấy 62,86% số hộ gia đình có tiêu dùng đồ uống có đường.

WHO khuyến cáo giảm lượng đường tự do tiêu thụ trong suốt quá trình sống; nên giảm lượng đường tự do tiêu thụ hàng ngày ở cả người lớn và trẻ em xuống dưới 10% tổng năng lượng nạp vào và có thể giảm xuống dưới 5% (tương đương 25 gram hoặc 6 muỗng cà phê) mỗi ngày sẽ có lợi hơn cho sức khỏe⁷. Việc giảm lượng đường tiêu thụ, đặc biệt là dưới dạng đồ uống có đường, có thể giúp duy trì trọng lượng cơ thể khỏe mạnh và có thể giảm nguy cơ thừa cân và béo phì ở người lớn và các bệnh không lây nhiễm.

WHO đã chính thức khuyến nghị tới Chính phủ các nước để tiến hành nhiều hành động nhằm khuyến khích người dân tiếp cận thức ăn lành mạnh thông qua biện pháp đánh thuế vào đồ uống có đường để định hướng tiêu dùng. Các nước đã dần bổ sung đồ uống có đường vào đối tượng chịu thuế TTĐB: Năm 2012 chỉ có khoảng 15 quốc gia đến 2021 có ít nhất 50 quốc gia thu thuế TTĐB đối với mặt hàng này. Trong ASEAN có 06⁸/10 nước đã thu thuế TTĐB đối với đồ uống có đường.

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới cũng đã đưa ra nhiệm vụ: “*Tăng thuế tiêu thụ đặc biệt*

⁶ Tỷ lệ thừa cân béo phì tất cả lứa tuổi là 0,62% (năm 2000), 3,6% (2005) và 5,6% (2010). Tỷ lệ thừa cân, béo phì ở trẻ em dưới 5 tuổi năm 2015 là 5,3%, năm 2020 là 7,4% (9,8% ở thành thị, 5,3% ở nông thôn); Tỷ lệ thừa cân béo phì ở học sinh 5-19 tuổi tăng từ 8,5% (2010) lên 19,0% (2020).

⁷ <https://www.who.int/publications/i/item/9789241549028> và <https://www.who.int/news/item/04-03-2015-who-calls-on-countries-to-reduce-sugars-intake-among-adults-and-children>.

⁸ Thái Lan, Philippines, Malaysia, Lào, Campuchia, Myanmar đã áp dụng thuế TTĐB đối với đồ uống có đường. In-đô-nê-xi-a hiện đang xem xét áp dụng thuế TTĐB đối với đồ uống có đường. Thái Lan thu thuế TTĐB đối với đồ uống có ga là 20%, nước khoáng nhân tạo là 25%, nước hoa quả nhân tạo không lên men là 4%; In-đô-nê-xi-a kiến nghị thu thuế TTĐB đối với đồ uống có đường và ga từ 1,500 rupiah đến 2,500 rupiah cho mỗi lít tùy loại đồ uống. Campuchia thu thuế TTĐB đối với đồ uống có ga không cồn và tương tự với thuế suất 10%. Philippin thu thuế TTĐB: 6 peso/lít đối với đồ uống sử dụng chất làm ngọt hoàn toàn calo và chất làm ngọt hoàn toàn không calo hoặc hỗn hợp chất làm ngọt có calo và không calo; 12 peso/lít đối với đồ uống sử dụng xi-rô ngô có hàm lượng fructose cao hoặc kết hợp với bất kỳ chất làm ngọt có calo hoặc không calo nào. Kenya áp dụng thuế TTĐB đối với đồ uống có ga, các loại nước hoa quả là 7%. Pháp thu thuế TTĐB đối với đồ uống có ga là 0,0716 Euro/lít. Anh thu 0,18 bảng Anh/ lít đối với đồ uống có 5–8g đường/trên 100 ml; 0,24 bảng Anh/ lít với đồ uống có lượng đường > 8g/100 ml. Ai len thu 16,26 EUR/héc-tô-lít đối với đồ uống có hàm lượng đường từ 5g đến dưới 8g/100ml, 24,39 EUR/héc-tô-lít với đồ uống có hàm lượng đường trên 8g/100ml.

đối với các hàng hoá có hại cho sức khoẻ như đồ uống có cồn, có ga, thuốc lá để hạn chế tiêu dùng.”

Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới đặt mục tiêu năm 2025 tuổi thọ trung bình người Việt Nam khoảng 74,5 tuổi, số năm sống khoẻ đạt tối thiểu 67 năm, tỉ lệ béo phì ở người trưởng thành dưới 12% và đến năm 2030 tuổi thọ trung bình khoảng 75 tuổi, số năm sống khoẻ đạt tối thiểu 68 năm và khống chế tỉ lệ béo phì ở người trưởng thành dưới 10%.

Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/1/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (Chương trình) quyết nghị xây dựng phương án tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với một số mặt hàng cần hạn chế tiêu dùng để kịp thời áp dụng trong thời gian thực hiện Chương trình.

Điểm a, khoản 1, mục III, Quyết định số 02/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05/01/2022 phê duyệt Chiến lược Dinh dưỡng Quốc gia giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã giao nhiệm vụ và giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách về dinh dưỡng gồm: *“a) Rà soát, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về ... xây dựng chính sách, cơ chế tài chính bao gồm cả việc chi trả của bảo hiểm y tế cho các hoạt động dinh dưỡng trong cơ sở y tế và trường học; xây dựng quy định về ghi nhãn dinh dưỡng ở mặt trước bao bì sản phẩm đóng gói sẵn, hạn chế quảng cáo đối với thực phẩm không có lợi cho sức khoẻ, đặc biệt đối với trẻ em, áp thuế tiêu thụ đặc biệt với đồ uống có đường...”*

Điểm b, khoản 5, mục V, Quyết định số 155/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/1/2022 phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025 đã giao Bộ Tài chính: *“b) Nghiên cứu đề xuất mức thuế phù hợp đối với các sản phẩm đồ uống có đường, các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe và các sản phẩm kinh doanh có điều kiện để hạn chế sử dụng các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe.”*

Vì vậy đề định hướng sản xuất, tiêu dùng, góp phần bảo vệ sức khỏe nhân dân theo khuyến nghị của WHO và các nhiệm vụ của Đảng đã đề ra, kế hoạch và nhiệm vụ mà Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt, phù hợp với thông lệ quốc tế, cần thiết phải đánh thuế TTĐB đối với đồ uống có đường.

Đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung đồ uống có đường vào đối tượng chịu thuế TTĐB với mức thuế suất phù hợp để góp phần định hướng tiêu dùng và đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp, người tiêu dùng và Nhà nước. Đồng thời cần nghiên cứu quy định rõ tên đồ uống có đường thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

1.2. Đối với thức uống đại mạch và nước giải khát không cồn

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Luật thuế TTĐB hiện hành quy định mặt hàng bia (không phân biệt có cồn hay không có cồn) áp dụng mức thuế suất TTĐB là 65%. Luật Phòng chống tác hại của rượu bia, quy định *“Bia là đồ uống có cồn thực phẩm, được sản xuất từ quá trình lên men từ hỗn hợp của các loại nguyên liệu chủ yếu gồm mạch nha (malt), đại mạch, nấm men bia, hoa bia (hoa houblon), nước.”*

Trên thực tế đã xuất hiện việc nhập khẩu sản phẩm thức uống không có cồn được sản xuất theo quy trình sản xuất và nguyên liệu sản xuất tương tự như mặt hàng bia (sau quy trình sản xuất lên men thì tách cồn khỏi sản phẩm và bổ sung hương tự nhiên). Sản phẩm không có cồn nên không được xác định là bia theo quy định của Luật Phòng chống tác hại của rượu bia; sản phẩm đáp ứng TCVN 12828:2019 về nước giải khát nên doanh nghiệp công bố tên gọi và tiêu chuẩn sản phẩm là thức uống đại mạch, do vậy không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB theo Luật thuế TTĐB hiện hành.

Hiện nay, một số nước như Thái Lan, Ấn Độ đang nghiên cứu tiến hành áp thuế TTĐB với loại bia có nồng độ cồn 0 trong khoảng từ 14% đến 22%. Tại Oman, bia có nồng độ cồn 0 chịu thuế TTĐB 50% kể từ 01/10/2020 sau khi quốc gia này có các chính sách mở rộng đối tượng chịu thuế TTĐB đối với các sản phẩm đồ uống có mạch nha và bia không cồn.

Sản phẩm thức uống đại mạch có quy trình sản xuất và nguyên liệu giống mặt hàng bia, hình thức bề ngoài của sản phẩm giống bia, vẫn có mùi vị đặc trưng như bia, chỉ khác tên gọi, giá bán xấp xỉ như nhau nên có thể coi là sản phẩm tương tự bia không cồn.

Đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung:

Cần nghiên cứu bổ sung mặt hàng thức uống đại mạch và nước giải khát không cồn vào đối tượng chịu thuế TTĐB với mức thuế suất phù hợp để định hướng tiêu dùng mặt hàng này.

1.3. Đối với các sản phẩm thuốc lá mới và thiết bị, bộ phận, dung dịch của thuốc lá mới

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới cũng đã đưa ra nhiệm vụ: *Tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các hàng hoá có hại cho sức khoẻ như đồ uống có cồn, có ga, thuốc lá để hạn chế tiêu dùng.*

Tiết d, khoản 2, mục I, Quyết định số 155/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/1/2022 phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025 đã đề ra mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến 2025 để giảm thiểu các hành vi nguy cơ chính để dự phòng mắc bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần gồm: *“d) Giảm tỷ lệ hút thuốc ở nam giới từ 15 tuổi trở lên còn dưới 37%.”*

Tiết b, khoản 5, mục V, Quyết định số 155/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/1/2022 phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025 đã giao Bộ Tài chính: “b) Nghiên cứu đề xuất mức thuế phù hợp đối với các sản phẩm đồ uống có đường, các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe và các sản phẩm kinh doanh có điều kiện để hạn chế sử dụng các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe.”

Luật thuế TTĐB hiện hành quy định “Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm” thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thuế suất 75% và Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá (PCTHTL) quy định “Thuốc lá là sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hoặc một phần nguyên liệu thuốc lá, được chế biến dưới dạng thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá cuộn hoặc các dạng khác.” Tuy nhiên, trên thị trường hiện nay đã xuất hiện một số sản phẩm thuốc lá mới như thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, shisha sử dụng toàn bộ, một phần hoặc không sử dụng nguyên liệu từ cây thuốc lá, mặc dù các sản phẩm này đều chưa được phép nhập khẩu và kinh doanh tại Việt Nam.

Theo WHO, Bộ Y tế và các tổ chức bảo vệ sức khỏe, thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng và shisha đều có chứa các thành phần độc hại gây hại cho người hút trực tiếp và người xung quanh như thuốc lá truyền thống. Hút thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, shisha là hình thức tiêu thụ thuốc lá. Do vậy, căn cứ Điều 6 Công ước Khung về Kiểm soát Thuốc lá (FCTC), WHO đã khuyến nghị các quốc gia cấm thuốc lá điện tử hoặc phải có biện pháp kiểm soát thuốc lá điện tử, hạn chế thuốc lá nung nóng và shisha. Trường hợp có biện pháp kiểm soát thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng và shisha thì khuyến nghị áp dụng chính sách thuế như đối với mặt hàng thuốc lá thông thường để đảm bảo tăng giá bán và giảm nhu cầu sử dụng để bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Đối với thuốc lá điện tử: có 71 quốc gia thu thuế TTĐB đối với thuốc lá điện tử⁹. Trong đó, 23 nước áp dụng thuế tuyệt đối, 07 nước áp dụng thuế theo tỷ lệ phần trăm, còn lại là các nước áp dụng thuế hỗn hợp cả tuyệt đối và phần trăm theo các tỷ lệ giống nhau. Nhìn chung, các nước này áp thuế đối với thuốc lá điện tử ở mức ngang bằng với thuốc lá truyền thống.

Đối với thuốc lá nung nóng: có 61 quốc gia thu thuế TTĐB đối với thuốc lá làm nóng¹⁰ ở mức ngang bằng với thuốc lá truyền thống.

⁹ bao gồm: Argentina, Australia, Áo, Azerbaijan, Barbados, Bỉ, Bulgaria, Canada, Chile, Congo, Costa Rica, Croatia, Cyprus, Séc, Đan Mạch, Ecuador, El Salvador, Estonia, Fiji, Phần Lan, Pháp, Georgia, Đức, Hy Lạp, Guyana, Honduras, Hungary, Iceland, Ireland, Italia, Jamaica, Kenya, Kuwait, Lào, Latvia, Lebanon, Lithuania, Luxembourg, Malaysia, Maldives, Malta, Monaco, Nepal, Hà Lan, New Zealand, Norway, Palau, Panama, Papua New Guinea, Paraguay, Philippines, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Hàn Quốc, Moldova, Romania, San Marino, Senegal, Serbia, Slovakia, Slovenia, Tây Ba Nha, Thụy Điển, Tajikistan, Thổ Nhĩ Kỳ, Tuvalu, Ukraine, Anh, Mỹ, Uruguay, Uzbekistan

¹⁰ bao gồm: Albania, Armenia, Australia, Arzerbaijan, Belarus, Bỉ, Bosnia và Herzegovina, Bulgari, Canada, Colombia, Costra Rica, Croatia, Crypus, Séc, Đan Mạch, Domenica, Ecuador, Ai Cập, Estonia, Phần Lan, Pháp, Georgia, Đức, Hy Lạp, Hungary, Indonesia, Isarel, Italia, Nhật, Jordan, Kazastan, Latvia, Lithuania, Malaysia, Moldova, Montenegro, Hà Lan, New Zealand, Macedonia, Dải Gaza, Philippine, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Romania, Nga, Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất, Serbia, Slovakia, Slovenia, Nam Phi, Hàn Quốc, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy sĩ, Ukaraına, Ả Rập Xê Út, và Anh

Đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung:

Nhằm bao quát hết các sản phẩm thuốc lá mới đã và sẽ phát sinh, định hướng sản xuất và tiêu dùng, góp phần giảm thiểu tác hại của thuốc lá đến sức khỏe người dân theo khuyến nghị của WHO, hạn chế việc sử dụng sản phẩm thuốc lá mới trong giới trẻ, đề xuất sửa đổi, bổ sung các sản phẩm thuốc lá mới và thiết bị, bộ phận, dung dịch của thuốc lá mới vào đối tượng chịu thuế TTĐB.

1.4. Đối với kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Trò chơi điện tử trên mạng (game online) là một loại hình giải trí gắn liền với sự phát triển của internet, có sự tương tác giữa những người chơi với nhau và giữa người chơi với máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến thông qua các thiết bị điện tử như máy tính cá nhân, máy chơi game, các thiết bị di động.

Tại Điều 31 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng quy định:

1. Trò chơi điện tử trên mạng được phân loại như sau:

a) Phân loại theo phương thức cung cấp và sử dụng dịch vụ, bao gồm:

- Trò chơi điện tử có sự tương tác giữa nhiều người chơi với nhau đồng thời thông qua hệ thống máy chủ trò chơi của doanh nghiệp (gọi tắt là trò chơi G1);

- Trò chơi điện tử chỉ có sự tương tác giữa người chơi với hệ thống máy chủ trò chơi của doanh nghiệp (gọi tắt là trò chơi G2);

- Trò chơi điện tử có sự tương tác giữa nhiều người chơi với nhau nhưng không có sự tương tác giữa người chơi với hệ thống máy chủ trò chơi của doanh nghiệp (gọi tắt là trò chơi G3);

- Trò chơi điện tử được tải về qua mạng, không có sự tương tác giữa người chơi với nhau và giữa người chơi với hệ thống máy chủ trò chơi của doanh nghiệp (gọi tắt là trò chơi G4).

Dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng là việc cung cấp cho người chơi khả năng truy cập vào mạng và chơi các trò chơi điện tử trên mạng.

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng là doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử thông qua các việc thiết lập hệ thống thiết bị và sử dụng hợp pháp phần mềm trò chơi. Doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng khi có giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử hoặc khi có giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử tùy thuộc loại hình cung cấp dịch vụ trò chơi (G1, G2, G3 quy định tại Nghị định số 72/2013/NĐ-CP).

Ngoài việc sử dụng phần mềm trò chơi do doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử trên mạng (Doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt

Nam) thì người chơi còn có thể chơi các trò chơi do tổ chức, cá nhân ở nước ngoài cung cấp qua biên giới vào lãnh thổ Việt Nam và thanh toán tiền thông qua các hình thức như: Thanh toán thông qua cổng thanh toán của google, facebook; Thanh toán bằng thẻ cào điện thoại; Thanh toán trực tiếp qua ngân hàng; Thanh toán bằng thẻ tín dụng; Thanh toán bằng SMS; Thanh toán bằng các cổng thanh toán như ngân lượng;...

Loại hình kinh doanh game hiện nay là mặt hàng có doanh thu lớn, mức lợi nhuận cao so với các loại hình kinh doanh khác, thu hút mọi độ tuổi tầng lớp dân cư, đặc biệt là giới trẻ tham gia.

Đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để góp phần định hướng sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và góp phần tăng cường quản lý hoạt động này, cần nghiên cứu bổ sung loại hình **“kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng”** vào đối tượng chịu thuế TTĐB với mức thuế suất hợp lý để đảm bảo hạn chế dịch vụ này.

2. Điều chỉnh thuế suất thuế TTĐB đối với một số mặt hàng có hại cho sức khỏe; một số mặt hàng nhằm góp phần bảo vệ môi trường

Qua tổng kết đánh giá, thuế suất thuế TTĐB đã quy định lộ trình tăng thuế đối với mặt hàng thuốc lá theo lộ trình từ 2016-2019 và bia, rượu theo lộ trình từ năm 2016-2018. Tuy nhiên, trong thời gian qua, tình hình sử dụng thuốc lá, rượu, bia ở Việt Nam vẫn ở mức cao và có xu hướng gia tăng nhanh và tỷ lệ sử dụng không giảm được xuống mức đã được đề ra tại các Chiến lược do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ngoài ra, cần tiếp tục được nghiên cứu, rà soát, tăng thuế suất để hạn chế tiêu dùng; điều chỉnh thuế suất đối với xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp với năng lượng điện để đạt mục tiêu chính sách là khuyến khích sản xuất, sử dụng xe thân thiện với môi trường, xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng.

2.1. Đối với mặt hàng thuốc lá

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Luật thuế TTĐB hiện hành quy định *“Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm”* áp dụng mức thuế suất 75%.

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới giao nhiệm vụ: *“Tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các hàng hoá có hại cho sức khoẻ như đồ uống có cồn, có ga, thuốc lá để hạn chế tiêu dùng.”*

Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/1/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (Chương trình) quyết nghị xây dựng phương án tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với một số mặt hàng cần hạn chế tiêu dùng để kịp thời áp dụng trong thời gian thực hiện Chương trình.

Tiết d, khoản 2, mục I, Quyết định số 155/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/1/2022 phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025 đã đề ra mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến 2025 để giảm thiểu các hành vi nguy cơ chính để dự phòng mắc bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần gồm: “d) Giảm tỷ lệ hút thuốc ở nam giới từ 15 tuổi trở lên còn dưới 37%.”

Tiết b, khoản 5, mục V, Quyết định số 155/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/1/2022 phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025 đã giao Bộ Tài chính: “b) Nghiên cứu đề xuất mức thuế phù hợp đối với các sản phẩm đồ uống có đường, các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe và các sản phẩm kinh doanh có điều kiện để hạn chế sử dụng các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe.”

Theo Báo cáo điều tra của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO, 2011, 2016¹¹ và 2021), khoảng 90% số nước (194 nước được điều tra) áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá. Xu hướng hiện nay, ngày càng có nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng thuế hỗn hợp (thuế tỷ lệ và thuế tuyệt đối) đối với thuốc lá, số lượng các nước áp dụng hệ thống thuế tiêu thụ đặc biệt hỗn hợp tăng từ 48 nước năm 2008 lên 61 nước vào 2016.

WHO và Ngân hàng Thế giới (WB) khuyến nghị tỷ trọng thuế tiêu dùng nên chiếm từ 66% đến 75% (từ 2/3 đến 3/4) trên giá bán lẻ thuốc lá. Theo đánh giá của WHO, WB, IMF và các đối tác phòng chống tác hại của thuốc lá thì giá bán thuốc lá của Việt Nam vẫn còn thấp do tỷ lệ thuế trên giá bán lẻ chỉ chiếm khoảng 35,67% (theo WHO năm 2016, khi áp dụng thuế suất thuế TTĐB 65%), 36,72% (theo WHO năm 2018 khi áp dụng thuế suất thuế TTĐB 70%) và 38,85% (theo WHO năm 2020 khi áp dụng thuế suất thuế TTĐB 75%) trong khi tỷ lệ thuế trên giá bán lẻ các nước là: Brunei 81%, Thái Lan 70%, Singapore 69%, Malaysia 57%, Indonesia 51%; Myanmar 50% và các nước phát triển Úc: 62%, Đức: 75%, Pháp 80%,...

Nhiều nước đã áp dụng các chính sách thuế hiệu quả để tăng giá hoặc triệt tiêu sản phẩm thuốc lá giá rẻ, tiềm ẩn nhiều nguy cơ, tác hại đến sức khỏe nhanh hơn và có hại hơn so với thuốc lá cao cấp, đồng thời cản trở tiếp cận của giới trẻ, đối tượng mới hút thuốc thường tiếp cận thuốc lá bắt đầu từ thuốc lá giá thấp. Biện pháp mà các nước áp dụng là tăng cường áp dụng thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp (thuế tỷ lệ và thuế tuyệt đối), có gắn theo các điều kiện về định kỳ tăng thuế theo hoặc cao hơn tốc độ lạm phát và tăng trưởng để đảm bảo giá thuốc lá tăng cao hơn/bằng với tốc độ gia tăng thu nhập, sức mua của người hút thuốc.

Bộ Y tế tại công văn số 5252/BYT-VPB1 ngày 09/09/2019 và công văn số 1552/BYT-PC ngày 28/3/2022 đề nghị Bộ Tài chính: “Hiện nay, thuế suất TTĐB thuốc lá của Việt Nam là 75% giá xuất xưởng. Nếu tính trên giá bán lẻ thì chỉ chiếm khoảng 36%. Mức thuế này còn cách xa khuyến cáo của Tổ chức Y tế

¹¹ WHO tổ chức Điều tra định kỳ 5 năm 1 lần và tổng hợp, công bố kết quả Báo cáo vào năm tiếp theo. Các Báo cáo gần đây nhất của WHO công bố vào năm 2011, 2016 và 2021.

thế giới là 70% giá bán lẻ. Theo tính toán của các chuyên gia, để góp phần giảm tỷ lệ hút thuốc, bên cạnh thuế theo tỷ lệ như hiện nay, cần bổ sung thuế tuyệt đối đối với thuốc lá ở mức 5.000đ/bao và 10.000đ/bao sau 2 năm. Với mức thuế tăng như trên, tỷ lệ hút thuốc ở nam giới có thể giảm 35,5% và giúp tránh được 900.000 ca tử vong sớm do hút thuốc, đảm bảo đạt mục tiêu của Chương trình sức khỏe Việt Nam đến năm 2030. Phần giảm cần thiết còn lại sẽ đến từ tác động của các biện pháp kiểm soát thuốc lá khác như truyền thông, môi trường không khói thuốc và hỗ trợ cai nghiện thuốc lá.”.

Mặc dù mặt hàng thuốc lá đã được tăng thuế suất thuế TTĐB theo lộ trình từ năm 2016-2019. Tuy nhiên, trong thời gian qua, tỷ lệ hút thuốc lá ở Việt Nam vẫn ở mức cao. Theo điều tra tình hình sử dụng thuốc lá năm 2020 của Bộ Y tế, tỷ lệ hút thuốc lá ở nam giới đã giảm từ 45,3% (2010) xuống 42,3% (năm 2020) nhưng vẫn ở mức cao và chưa đạt được mục tiêu đề ra là giảm xuống 37% vào năm 2020. Như vậy, việc sử dụng thuốc lá, cần được tiếp tục kiểm soát hơn nữa và lộ trình tăng thuế TTĐB trong thời gian vừa qua vẫn chưa đạt mục tiêu giảm sử dụng như đã đề ra.

Đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để giảm tỷ lệ hút thuốc lá ở Việt Nam, hạn chế thanh thiếu niên tiếp cận với thuốc lá điều và thuốc lá mới, đồng thời để đảm bảo hiệu quả của chính sách thuế đối với mục tiêu giảm sử dụng thuốc lá theo Chiến lược Quốc gia phòng chống tác hại của thuốc lá, cần thiết điều chỉnh thuế thuốc lá để giảm tiêu dùng hiệu quả, nghiên cứu việc áp dụng bổ sung thuế tuyệt đối để loại trừ, giảm sử dụng thuốc lá chất lượng thấp, giá thấp cũng như có lộ trình để đảm bảo tăng thuế tuyệt đối qua các năm tương ứng với tốc độ lạm phát. Mức điều chỉnh thuế cần nghiên cứu để đảm bảo đạt được các mục tiêu của Kế hoạch hành động phòng chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025 (tỷ lệ sử dụng thuốc lá ở nam giới cần phải giảm từ 42,3% xuống còn 37%) và đạt được mục tiêu của Chương trình sức khỏe Việt Nam đến năm 2030 tỷ lệ sử dụng thuốc lá ở nam giới cần phải giảm xuống còn 32,5%.

2.2. Đối với mặt hàng rượu bia

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới giao nhiệm vụ: *“Tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các hàng hoá có hại cho sức khoẻ như đồ uống có cồn, có ga, thuốc lá để hạn chế tiêu dùng.”*

Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/1/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (Chương trình) quyết nghị xây dựng phương án tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với một số mặt hàng cần hạn chế tiêu dùng để kịp thời áp dụng trong thời gian thực hiện Chương trình.

Điều c, khoản 2, mục I, Quyết định số 155/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/1/2022 phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025 đã đề ra mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến 2025 để giảm thiểu các hành vi nguy cơ chính để dự phòng mắc bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần gồm: “c) Giảm tỷ lệ uống rượu, bia mức nguy hại ở nam giới từ 18 tuổi trở lên còn dưới 35%, giảm tỷ lệ hiện uống rượu, bia ở người 13 đến 17 tuổi còn dưới 20%.”

Điều b, khoản 5, mục V, Quyết định số 155/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/1/2022 phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025 đã giao Bộ Tài chính: “b) Nghiên cứu đề xuất mức thuế phù hợp đối với các sản phẩm đồ uống có đường, các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe và các sản phẩm kinh doanh có điều kiện để hạn chế sử dụng các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe.”

Luật thuế TTĐB sửa đổi, bổ sung năm 2014 đã quy định:

Đối với rượu từ 20 độ trở lên: Áp dụng thuế suất 55% từ ngày 01/01/2016, 60% từ ngày 01/01/2017 và 65% từ ngày 01/01/2018.

Đối với rượu dưới 20 độ: Áp dụng thuế suất 30% từ ngày 01/01/2016 và 35% từ ngày 01/01/2018.

Đối với mặt hàng bia: Từ ngày 01/01/2016 tăng từ 50% lên 55%; từ ngày 01/01/2017 tăng lên 60%; từ ngày 01/01/2018 tăng lên 65%.

Mặc dù mặt hàng bia và rượu đã được tăng thuế suất thuế TTĐB theo lộ trình từ năm 2016-2018. Tuy nhiên, trong thời gian qua, tình hình sử dụng rượu, bia ở Việt Nam vẫn ở mức cao¹² và có xu hướng gia tăng nhanh¹³, cụ thể: năm 2013 lượng bia tiêu thụ là khoảng 3 tỷ lít và năm 2017 lượng bia tiêu thụ đã tăng lên 4 tỷ lít, năm 2020 là 4,2 tỷ lít¹⁴. Tại Việt Nam, rượu, bia xếp thứ 05 trong 15 yếu tố nguy cơ sức khỏe hàng đầu¹⁵ và gây nhiều hệ lụy nghiêm trọng về mặt xã hội do sử dụng rượu, bia gây ra, bao gồm: tai nạn giao thông, chấn thương, bạo lực gia đình, mất an ninh trật tự, gia tăng khoảng cách giàu nghèo. Rượu, bia là một trong 03 nguyên nhân làm gia tăng tỷ lệ tai nạn giao thông ở nam giới độ tuổi 15-49¹⁶. Do vậy, việc sử dụng rượu, bia cần được tiếp tục kiểm soát hơn nữa.

Nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng thuế TTĐB với đồ uống có cồn vì ảnh hưởng tiêu cực của sản phẩm này đối với sức khỏe khi người tiêu dùng lạm

¹² Việt Nam là nước tiêu thụ bia cao nhất Đông Nam Á và thứ 3 Châu Á sau Nhật Bản, Trung Quốc (Institute of Health Metrics and Evaluation (2013). Global burden of diseases study. <http://vizhub.healthdata.org/gbd-compare/>

¹³ Năm 2019, lượng bia tiêu thụ bình quân một người là 47,6 lít, bằng 1,2 lần năm 2015; rượu mạnh và rượu trắng là 3,4 lít, bằng 1,02 lần năm 2015.

¹⁴ Nguồn: Bộ Y tế

¹⁵ Institute of Health Metrics and Evaluation (2013). Global burden of diseases study. <http://vizhub.healthdata.org/gbd-compare/>

¹⁶ Chạy quá tốc độ, lấn lán và sử dụng rượu, bia tham gia giao thông, Cục CSGT - Bộ Công an, 2014.

dụng, sử dụng nhiều¹⁷. Hiện nay, thuế rượu, bia ở Việt Nam còn ở mức thấp, theo tính toán của WHO mới chiếm khoảng 30% giá bán lẻ, trong khi ở nhiều nước tỷ lệ thuế chiếm từ 40-85% giá bán lẻ.

Theo Bộ Y tế, mức điều chỉnh tăng thuế suất thuế TTĐB với sản phẩm rượu, bia các năm 2016 - 2018 theo Luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 70/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014 chưa đủ mạnh để tác động đến giảm tiêu dùng rượu, bia. Năm 2016 khi tăng thuế suất tổng sản lượng tiêu thụ bia vẫn tăng 3,6%, sản lượng tiêu thụ rượu trên 20 độ tăng 1,1%. Giá rượu, bia của Việt Nam hiện rất rẻ và sức mua tăng mạnh. Sức mua rượu, bia của người Việt Nam tăng mạnh do thu nhập tăng nhanh trong khi giá rượu, bia tăng rất chậm. Nếu năm 1998, để mua 10 lít rượu Vodka Hà nội, rượu vang nội và rượu trắng nội địa phải chi 8,2%; 5,9% và 1,6% GDP/người, thì đến 2014, tỷ lệ này chỉ còn 2,2%; 1,6%; và 0,4%. Mức giảm tương tự với mặt hàng bia.

Tổ chức Y tế Thế giới đã khuyến cáo, chính sách thuế là một trong những biện pháp hiệu quả nhất để kiểm soát tác hại của rượu, bia, giảm gánh nặng bệnh tật và tử vong do rượu, bia gây ra và khuyến nghị ***“Tăng thuế để tăng giá các mặt hàng rượu, bia đã được chứng minh có tác động mạnh đến giảm nhu cầu, đặc biệt người tiêu dùng có thu nhập thấp và thanh thiếu niên sẽ giảm sử dụng nhiều hơn khi thuế và giá rượu, bia tăng”***. Mức độ tăng thuế để giá tăng 10% thì sẽ làm giảm khoảng 5% tiêu thụ rượu, bia.¹⁸ Từ đó sẽ giảm gánh nặng bệnh tật, giảm phí tổn kinh tế do rượu, bia gây ra. Theo Bộ Y tế, thu nhập theo đầu người hiện nay đã tăng 5% mỗi năm. Để bảo đảm không gia tăng sử dụng rượu, bia trong thời gian tới, mức tăng giá rượu, bia sau khi điều chỉnh tăng thuế TTĐB phải tăng kịp theo mức tăng thu nhập và lạm phát.

Căn cứ chủ trương của Đảng, khuyến nghị của WHO về tác hại của đồ uống có cồn và theo Báo cáo của Bộ Y tế về tình hình sử dụng rượu, bia ở Việt Nam vẫn ở mức cao và có xu hướng gia tăng nhanh, là nguy cơ sức khỏe hàng đầu¹⁹ và gây nhiều hệ lụy nghiêm trọng về mặt xã hội, đồng thời tham khảo kinh nghiệm quốc tế về đánh thuế TTĐB đối với đồ uống có cồn, kiến nghị tăng thuế TTĐB của Bộ Y tế, Bộ Tài chính thấy rằng cần thiết phải tiếp tục tăng thuế suất thuế TTĐB đối với rượu và bia theo lộ trình.

Đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung:

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, đồng thời để định hướng tiêu dùng, hạn chế việc lạm dụng đồ uống có cồn, cần nghiên cứu điều chỉnh thuế TTĐB theo lộ trình đối với rượu và bia.

¹⁷ Các nước ASEAN: Singapore áp thuế TTĐB tuyệt đối 88 SGD/lít độ cồn đối với rượu, 60 SGD/lít độ cồn đối với bia. Thái Lan quy định thuế TTĐB hỗn hợp với bia, rượu là 30% trên giá bán lẻ và 3.000 Baht/lít (khoảng 2 triệu đồng/lít) tùy chủng loại. Ôt-xơ-tờ-rây-li-a: đối với rượu, thuế suất thuế TTĐB là 90,78AUD/lít độ cồn, đối với bia, thuế suất thuế TTĐB là 53,59AUD/lít độ cồn.

¹⁸ Tổ chức y tế thế giới, WHO

¹⁹ Institute of Health Metrics and Evaluation (2013). Global burden of diseases study. <http://vizhub.healthdata.org/gbd-compare/>

2.3. Đối với xe ô tô

2.3.1. Đối với xe ô tô vừa chạy bằng xăng kết hợp với năng lượng điện

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “Xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện, năng lượng sinh học, trong đó tỷ trọng xăng sử dụng không quá 70% số năng lượng sử dụng” áp dụng thuế suất thuế TTĐB “bằng 70% mức thuế suất áp dụng cho xe cùng loại quy định tại các điểm 4a, 4b, 4c và 4d của Biểu thuế quy định tại Điều này”.

Quy định nêu trên nhằm khuyến khích người tiêu dùng sử dụng các loại xe thân thiện với môi trường là loại xe có hai động cơ: động cơ xăng và động cơ điện. Trong điều kiện bình thường xe chủ yếu chạy bằng động cơ điện và động cơ xăng có tính chất dự phòng (khi ắc quy dùng để chạy động cơ điện hết điện), lượng khí thải ra môi trường thấp hơn nhiều so với loại xe ô tô thông thường khác. Tuy nhiên, cần bổ sung quy định rõ loại xe nạp điện bằng hệ thống sạc điện riêng.

Đối với xe thân thiện môi trường, ngoài xe chạy xăng kết hợp năng lượng điện, năng lượng sinh học, xe điện, còn có các loại xe sử dụng khí thiên nhiên.

Đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để đạt mục tiêu chính sách là khuyến khích sản xuất, sử dụng xe thân thiện với môi trường, cần thiết bổ sung quy định xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp với năng lượng điện, nghiên cứu điều chỉnh mức thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô sử dụng khí thiên nhiên.

2.3.2. Đối với xe ô tô pickup chở hàng cabin kép (vừa chở người vừa chở hàng)

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Điểm d khoản 4 Điều 7 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định ô tô vừa chở người, vừa chở hàng áp dụng thuế suất thuế TTĐB như sau:

- Loại có dung tích xi lanh từ 2.500 cm³ trở xuống: Áp dụng thuế suất thuế TTĐB 15%;
- Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm³ đến 3.000 cm³: Áp dụng thuế suất thuế TTĐB: 20%;
- Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm³: Áp dụng thuế suất thuế TTĐB 25%.

Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ số QCVN 41:2016/BGTVT²⁰, loại ô tô nêu trên khi tham gia giao thông được áp dụng các hệ thống báo hiệu đường bộ như ô tô con, không bị hạn chế về thời gian được phép lưu thông trong đô thị, được phép lưu thông vào làn đường dành cho ô tô

²⁰ Được ban hành kèm Thông tư số 06/2016/TT-BGTVT ngày 08/4/2016 của Bộ Giao thông Vận tải.

con²¹. Thực tế, trong giai đoạn vừa qua (2015-2020), doanh số bán hàng ô tô pick-up tăng dần hàng năm²².

Qua nghiên cứu cho thấy các nước trong khu vực như Singapore, Brunei, Philippines áp dụng thuế suất đối với ô tô pick up vừa chở người, vừa chở hàng cũng giống như các dòng xe khác, không phân biệt giữa các chủng loại xe; Một số nước áp dụng thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô pick up chở hàng cabin kép ở mức thấp hơn mức thuế suất đối với xe ô tô chở người dưới 9 chỗ (Thí dụ: Campuchia thấp hơn 30%; Thái Lan thấp hơn khoảng 17%...).

Để góp phần đảm bảo quản lý nhà nước đối với ô tô pick up chở hàng cabin kép và điều tiết hạn chế sử dụng phương tiện giao thông tại các thành phố lớn, lệ phí trước bạ đối với ô tô pick up chở hàng cabin kép cũng đã được điều chỉnh tăng theo Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/02/2019, đã được thay thế bởi Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ, theo đó kể từ ngày 10/4/2019, mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với ô tô pick up chở hàng cabin kép bằng 60% mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với xe ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống.

Đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để bảo đảm chính sách thuế phù hợp với mục đích sử dụng xe, cần thiết phải nghiên cứu mức thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô pickup chở hàng cabin kép cho phù hợp với quy định của chính sách thuế, phí và lệ phí hiện hành.

3. Sửa đổi, bổ sung để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đảm bảo chính sách minh bạch và đồng bộ với quy định của pháp luật khác có liên quan

3.1. Về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế TTĐB

3.1.1. Đối với mặt hàng tàu bay

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tiết 2 khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB quy định “e) Tàu bay, du thuyền” thuộc đối tượng chịu thuế.

Khoản 3 Điều 3 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “*Tàu bay sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, khách du lịch và tàu bay sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng*” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

Căn cứ thẩm quyền được giao tại Luật, tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ có quy định về đối tượng không chịu thuế TTĐB như sau:

²¹ Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ số QCVN 41:2016/BGTVT (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2016/TT-BGTVT ngày 08/4/2016 của Bộ GTVT) thì quy định này là để phù hợp với Công ước giao thông đường bộ năm 1968 và Công ước biên báo và tín hiệu đường bộ năm 1968 (Việt Nam là thành viên chính thức từ ngày 20/8/2014).

²² Năm 2015 là 16.741 chiếc, năm 2016 là 23.100 chiếc, năm 2017 là 24.373 chiếc, năm 2018 là 18.491 chiếc, năm 2019 là 22.767 chiếc, năm 2020 là 19.697 chiếc; bình quân khoảng 20.862 chiếc/năm²²

“3. Tàu bay, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, khách du lịch; tàu bay sử dụng cho mục đích: phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, an ninh, quốc phòng.

Trường hợp tàu bay, du thuyền không sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, kinh doanh du lịch; tàu bay không sử dụng cho mục đích: phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, an ninh, quốc phòng thì phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và hướng dẫn của Bộ Tài chính.”

Theo quy định của Luật hàng không dân dụng Việt Nam, khái niệm về tàu bay rất rộng bao gồm tất cả những thiết bị bay như Flycam để quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, thiết bị bay điều khiển từ xa dùng để phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, khí cầu, máy bay đồ chơi trẻ em điều khiển từ xa... nếu thu thuế TTĐB đối với các thiết bị bay, khí cầu, máy bay, đồ chơi trẻ em thì chưa phù hợp với mục tiêu của chính sách thuế TTĐB.

Ngoài các trường hợp tàu bay sử dụng cho các mục đích đã nêu tại Nghị định số 14/2019/NĐ-CP, trên thực tế có phát sinh trường hợp doanh nghiệp trong lĩnh vực hàng không nhập khẩu máy bay để phục vụ đào tạo phi công. Loại máy bay huấn luyện này không sử dụng cho mục đích dân dụng, không phải hàng hóa, dịch vụ xa xỉ nhưng đang phải chịu thuế TTĐB. Quy định như hiện hành sẽ làm tăng chi phí đầu tư, nâng cao chi phí giảng dạy và gây khó khăn cho việc thu hút học viên trong bối cảnh phải cạnh tranh với các trường bay của nước ngoài. Đồng thời, không khuyến khích phát triển nguồn nhân sự kỹ thuật cao (phi công) phục vụ cho sự phát triển của ngành hàng không.

Đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để phù hợp với mục tiêu thu thuế TTĐB và phù hợp với Luật Hàng không dân dụng cần thiết phải nghiên cứu sửa đổi quy định này cho phù hợp.

3.1.2. Đối với xe ô tô không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 4 Điều 3 Luật thuế TTĐB số 27/2008/QH12 có quy định về đối tượng không chịu thuế TTĐB như sau:

“4. Xe ô tô cứu thương; xe ô tô chở phạm nhân; xe ô tô tang lễ; xe ô tô thiết kế vừa có chỗ ngồi, vừa có chỗ đứng chở được từ 24 người trở lên; xe ô tô chạy trong khu vui chơi, giải trí, thể thao không đăng ký lưu hành và không tham gia giao thông;”

Trong quá trình thực hiện có phát sinh trường hợp xe ô tô chạy trong khu di tích lịch sử, trường học, bệnh viện không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

Ngoài ra, cũng có phát sinh các trường hợp cần được hướng dẫn về xe ô tô chuyên dụng không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

Đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để đảm bảo cơ sở pháp lý xử lý vướng mắc phát sinh tương tự, cần nghiên cứu bổ sung đối tượng không chịu thuế TTĐB và giao Chính phủ có quy định chi tiết các loại xe chuyên dụng khác.

3.1.3. Đối với hàng hóa đã xuất khẩu bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Căn cứ Điều 2 Luật thuế TTĐB số 27/2008/QH12 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật thuế số 70/2014/QH13) quy định đối tượng chịu thuế TTĐB; Điều 3 Luật thuế TTĐB quy định các loại hàng hóa và trường hợp thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB; Điều 8 Luật thuế TTĐB số 27/2008/QH12 quy định các trường hợp được hoàn thuế/khấu trừ thuế TTĐB, trường hợp hàng hóa (thuộc đối tượng nộp thuế TTĐB) xuất bán ra nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện phải nhập khẩu trở lại Việt Nam thì phải nộp thuế TTĐB khâu nhập khẩu. Hàng hóa này sau đó lại tiếp tục xuất khẩu ra nước ngoài thì không được hoàn thuế TTĐB.

Điều 19 Luật thuế xuất khẩu thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định người nộp thuế đã nộp thuế xuất khẩu nhưng hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập khẩu được hoàn thuế xuất khẩu và không phải nộp thuế nhập khẩu.

Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều các Thông tư có liên quan của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế quy định “*Cơ sở kinh doanh không phải nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa đã xuất khẩu nhưng bị phía nước ngoài trả lại. Khi cơ sở kinh doanh bán hàng hóa bị trả lại này trong nội địa thì phải kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định*”.

Đối với hàng hóa xuất khẩu, sau đó bị trả lại và phải nhập khẩu về Việt Nam thì không phải là hàng hóa được trao đổi mua – bán mà vẫn chính là hàng hóa của cùng một chủ hàng. Nếu hàng hóa đã nộp thuế TTĐB (tại khâu sản xuất bán ra hoặc nhập khẩu) xuất khẩu ra nước ngoài sau đó nhập khẩu trở lại phải nộp thuế TTĐB thì hàng hóa đó đã phải nộp 2 lần thuế TTĐB (Nộp thuế TTĐB lần 1: Hàng hóa đã phải chịu thuế TTĐB tại khâu sản xuất bán ra hoặc nhập khẩu và không được hoàn thuế TTĐB khi xuất khẩu; Nộp thuế TTĐB lần 2: khi hàng bị nước ngoài trả lại phải nhập khẩu về thì tiếp tục phải nộp thuế TTĐB thêm một lần nữa). Do vậy, cần thiết bổ sung quy định đối với trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB khi xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại thì không phải nộp thuế TTĐB khi nhập khẩu trở lại để bảo đảm hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB chỉ phải nộp 1 lần thuế TTĐB khi sản xuất bán ra hoặc khi nhập khẩu lần đầu.

Pháp luật về thuế GTGT quy định không phải nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu trong trường hợp hàng hóa đã xuất khẩu nhưng nhập khẩu trở lại do bị phía nước ngoài trả lại. Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định hàng hóa xuất

khẩu phải tái nhập khẩu được hoàn thuế xuất khẩu và không phải nộp thuế nhập khẩu. Luật thuế bảo vệ môi trường quy định hoàn thuế bảo vệ môi trường đối với hàng hóa nhập khẩu do người nhập khẩu tái xuất khẩu ra nước ngoài.

Đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để xử lý đúng bản chất của giao dịch và phù hợp đạo lý không thu cùng một loại thuế 02 lần đối với cùng 01 hàng hóa (như đã được quy định tại pháp luật về thuế GTGT và thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường), cần nghiên cứu bổ sung quy định hàng hóa đã xuất khẩu bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

3.1.4. Đối với hàng hóa mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Điểm b khoản 2 Điều 3 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định “*b) Hàng hóa vận chuyển quá cảnh, hoặc mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam, hàng hóa chuyển khẩu theo quy định của Chính phủ;*” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

Khoản 4 Điều 2 Luật xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu không áp dụng đối với các trường hợp “*a) Hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển;*”

Hiện không còn có khái niệm “*Hàng hóa mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam*”. Do vậy, cần thiết sửa đổi quy định hàng hóa “*trung chuyển*” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB, thống nhất với pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để đồng bộ với quy định tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, cần nghiên cứu bổ sung quy định “*hàng hóa trung chuyển*”; bỏ quy định hàng hóa “*mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam*” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

3.1.5. Đối với xe ô tô dưới 24 chỗ

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại điểm d khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB quy định đối tượng chịu thuế TTĐB: “Xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng”.

Theo Tiêu chuẩn TCVN 7271:2003 Phương tiện giao thông đường bộ - Ô tô - Phân loại theo mục đích sử dụng và Quyết định số 2431/QĐ-BKH-CN ngày 08/11/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ về công bố sửa đổi 2:2010 TCVN 7271:2003 Phương tiện giao thông đường bộ - Ô tô - Phân loại theo mục đích sử dụng thì ô tô được phân loại thành: Ô tô chở người; Ô tô chở hàng và Ô tô chuyên dùng.

- Ô tô chở người: gồm có ô tô con; ô tô khách và ô tô chở người chuyên dụng. Trong đó ô tô con được mô tả có chỗ người lái không lớn hơn 9; ô tô pickup chở người có ít nhất một đặc điểm khác với ô tô pickup chở hàng nêu tại 3.2.7 và 3.2.8 ...

- Ô tô chở hàng, có bao gồm ô tô pick up chở hàng cabin đơn (mục 3.2.7) và ô tô pick up chở hàng cabin kép (mục 3.2.8). Theo đó, ô tô pick up chở hàng cabin kép có *đặc điểm thùng hàng dạng hở (có thể có mui phủ) hoặc dạng kín, có thể liền hoặc không liền thân với ca bin, có bố trí cửa để xếp, dỡ hàng; Trong ca bin có bố trí hai hàng ghế, có số chỗ ngồi kể cả chỗ ngồi của người lái không lớn hơn 5; Thùng hàng không có trang bị tiện nghi và nội thất phục vụ chở người; Diện tích hữu ích của sàn thùng hàng (Fh) không nhỏ hơn 1 m² (xác định như Phụ lục A của TCVN 7271: 2003); Tổng khối lượng hàng hóa cho phép chở (mh) phải lớn hơn tổng khối lượng của số người cho phép chở (mng) được tính theo tỷ lệ sau: $mng = 65 \text{ kg/người} \times \text{số chỗ ngồi.}$*

- Ô tô chuyên dùng.

Đối chiếu với Tiêu chuẩn Việt Nam về phương tiện giao thông đường bộ hiện nay (Ô tô) cho thấy: không có phân loại ô tô theo “xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng” mà chỉ có mô tả ô tô pickup chở hàng cabin đơn, ô tô pickup chở hàng cabin kép, ô tô pickup chở người.

Ô tô pickup chở người thuộc chủng loại ô tô con. Ô tô pickup chở hàng cabin đơn là xe thiết kế chuyên chở hàng thuộc chủng loại ô tô chở hàng (ô tô tải). Ô tô pickup chở hàng cabin kép là loại được thiết kế xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng.

Do vậy, trên thực tế thực hiện đã có phát sinh vướng mắc trong áp dụng chính sách thuế TTĐB đối với ô tô vừa chở hàng, vừa chở người (ô tô pickup chở người áp dụng thuế suất đối với ô tô con hay ô tô vừa chở người, vừa chở hàng; ô tô pickup chở hàng cabin đơn, ô tô pickup chở hàng cabin kép có được áp dụng thuế suất của ô tô vừa chở người, vừa chở hàng hay không) và việc xác định xe bốn bánh chở người có gắn động cơ có thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hay không (do theo TCVN thì xe bốn bánh chở người có gắn động cơ không được gọi là ô tô). Để xử lý vướng mắc, tránh gian lận trong thực hiện, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định đối tượng chịu thuế TTĐB cho thống nhất với phân loại của TCVN.

Đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung:

Cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định xe ô tô dưới 24 chỗ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB để quy định thống nhất với phân loại của Tiêu chuẩn Việt Nam về Phương tiện giao thông đường bộ - Ô tô và xử lý vướng mắc, tránh gian lận trong thực hiện.

3.2. Về giá tính thuế

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 5 Điều 6 Luật thuế TTĐB quy định giá cung ứng dịch vụ đối với một số trường hợp đặc thù (kinh doanh ca-si-no, gôn, vũ trường, mát-xa...)

Tại điểm 1.4 mục II nêu trên về mở rộng cơ sở tính thuế, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng vào đối tượng chịu thuế TTĐB, vì vậy cần thiết phải bổ sung quy định về giá tính thuế đối với dịch vụ mới bổ sung này vào khoản 5 Điều 6 cho phù hợp đặc thù của loại hình dịch vụ này.

Ngoài các trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB được bán theo phương thức trả góp, trả chậm thì thực tế phát sinh trường hợp hàng được bán (mua đứt bán đoạn hoặc trả góp, trả chậm) nhưng có kèm theo dịch vụ cho thuê một phần hoặc bộ phận của hàng hóa đó.

Đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung:

Trên cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung một số dịch vụ vào đối tượng chịu thuế TTĐB cần thiết phải quy định giá tính thuế TTĐB đối với mặt hàng mới bổ sung vào đối tượng chịu thuế TTĐB. Đồng thời, sửa đổi để bao quát quy định về giá tính thuế TTĐB đối với một số trường hợp như cho thuê, cho mượn các thiết bị kèm theo hàng hóa.

3.3. Về hoàn thuế, khấu trừ thuế

3.3.1. Về hoàn thuế TTĐB đối với sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại Khoản 4 Điều 1 Luật thuế TTĐB số 70/2014/QH13 quy định thuế suất TTĐB đối với xăng là 10%; xăng E5 là 8%; xăng E10 là 7%.

Tại Điều 8 Luật thuế TTĐB số 70/2014/QH13 quy định: *Người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bằng nguyên liệu đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt nếu có chứng từ hợp pháp thì được khấu trừ số thuế đã nộp đối với nguyên liệu khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp ở khâu sản xuất.*

Xăng sinh học E5, E10 được pha chế theo tỷ lệ tương ứng 95%, 90% xăng RON92 (mặt hàng thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB) và 5%, 10% cồn sinh học. Căn cứ vào quy định nêu trên, cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp hoặc đã trả của nguyên liệu xăng khoáng khi xác định số thuế TTĐB phải nộp của mặt hàng xăng sinh học. Do thuế suất thuế TTĐB của xăng nguyên liệu là 10% trong khi thuế suất của xăng sinh học chỉ là 8% hoặc 7% nên doanh nghiệp sản xuất, pha chế xăng sinh học luôn phát sinh số thuế TTĐB chưa được khấu trừ (khoảng 1,5%/giá bán xăng sinh học). Đây là khoản tiền thuế tương tự như tiền thuế nộp thừa và theo Luật quản lý thuế, số tiền thuế nộp thừa được xử lý hoàn. Căn cứ thẩm quyền được giao tại Luật, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 1/2/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế

tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt quy định hoàn trả thuế TTĐB đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết (Quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 14/2019/NĐ-CP)²³.

Đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung:

Đề khuyến khích sử dụng xăng sinh học, góp phần bảo vệ môi trường và đảm bảo tính ổn định của chính sách cũng như nâng cao tính pháp lý, minh bạch của chính sách, cần thiết bổ sung nội dung quy định cho hoàn trả thuế TTĐB đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết vào Luật.

3.3.2. Về hoàn thuế, khấu trừ thuế trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Điểm c Khoản 1 Điều 8 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về trường hợp người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt được hoàn thuế đã nộp trong trường hợp sau:

“c) Quyết toán thuế khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động có số thuế nộp thừa;”

Tại Điều 202, Điều 203, Điều 204 Luật Doanh nghiệp quy định: *Công ty chuyển đổi đương nhiên kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của công ty được chuyển đổi.*

Đồng thời, theo Luật Doanh nghiệp thì chỉ quy định chấm dứt hoạt động đối với văn phòng hoặc chi nhánh nên khi văn phòng, chi nhánh chấm dứt hoạt động thì Công ty mẹ vẫn kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của văn phòng, chi nhánh nên việc quy định hoàn thuế đối với trường hợp chấm dứt hoạt động sẽ dẫn đến lợi dụng chính sách.

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp nêu trên, đối với trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp thì Công ty chuyển đổi sẽ kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty được chuyển đổi.

²³ “Điều 7. Khấu trừ thuế

1.

Riêng đối với xăng sinh học: Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ của kỳ khai thuế được căn cứ vào số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp hoặc đã trả trên một đơn vị nguyên liệu mua vào của kỳ khai thuế trước liền kề của xăng khoáng để sản xuất xăng sinh học.

Đối với các doanh nghiệp được phép sản xuất, pha chế xăng sinh học, việc kê khai nộp thuế, khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt được thực hiện tại cơ quan thuế địa phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính. Số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học (bao gồm cả số thuế chưa được khấu trừ hết phát sinh kể từ kỳ khai thuế tháng 01 năm 2016) được bù trừ với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của hàng hóa, dịch vụ khác phát sinh trong kỳ. Trường hợp sau khi bù trừ, còn số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo hoặc hoàn trả.”

Đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để tránh trường hợp doanh nghiệp lợi dụng chính sách để lập hồ sơ hoàn thuế TTĐB, cần nghiên cứu sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp.

4. Sửa đổi, bổ sung về điều khoản hướng dẫn thi hành

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại Điều 11 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về hướng dẫn thi hành:

“Điều 11. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật này; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.”

Căn cứ quy định trên, ngoài các nội dung được giao, Chính phủ còn hướng dẫn các nội dung thuộc các điểm khác để đáp ứng yêu cầu quản lý. Tuy nhiên theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì Chính phủ chỉ được hướng dẫn những quy định được giao tại Luật.

Ngoài ra, tại điểm 1.3 mục II nêu trên về đề xuất bổ sung mặt hàng thuốc lá mới vào đối tượng chịu thuế TTĐB, cần thiết bổ sung quy định cụ thể tại Điều 11 hướng dẫn thi hành khi các mặt hàng này được phép nhập khẩu, sản xuất, lưu hành để có căn cứ tổ chức thực hiện.

Đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung:

- Giao Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các Điều 2. Đối tượng chịu thuế TTĐB, Điều 3. Đối tượng không chịu thuế TTĐB, Điều 6. Giá tính thuế TTĐB và Điều 8. Hoàn thuế TTĐB của Luật này.

- Bổ sung quy định cụ thể tại Điều 11 khi các sản phẩm có hại cho sức khỏe (thuốc lá mới) được phép nhập khẩu, sản xuất, lưu hành thì áp dụng thuế suất thuế TTĐB theo quy định của Luật thuế TTĐB.

Trên đây là Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế TTĐB và một số đề xuất của Bộ Tài chính đối với dự án Luật thuế TTĐB sửa đổi./.

BỘ TÀI CHÍNH